

**CÔNG TY CỔ PHẦN RAU
QUẢ THỰC PHẨM
AN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**



**Báo cáo của Hội đồng Quản trị và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2011.

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc trong niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Quang Đâu	Chủ tịch
Ông Lưu Bách Thảo	Thành viên
Ông Quách Thanh Bình	Thành viên
Ông Huỳnh Quang Vinh	Thành viên
Ông Trần Công Thụy	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Tuấn	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Đặng Thị Thúy Nhanh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên
Ông Vũ Minh Anh Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Huỳnh Quang Đâu	Tổng Giám đốc
Ông Quách Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Thụy	Phó Tổng Giám đốc

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở đăng ký của Công ty đặt tại 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký lần đầu vào ngày 01 tháng 06 năm 2011, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các món ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn gạo;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán giống cây trồng các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Đánh giá tình hình kinh doanh và tài chính

Các số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty cho niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011 được trình bày trên báo cáo tài chính từ trang 4 đến trang 21 đính kèm.

Kết quả kinh doanh

Doanh thu thuần:	95.935.483.954 đồng
Lợi nhuận kế toán trước thuế:	9.238.931.572 đồng

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được lập cho niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011.

6. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang phù hợp với Chuẩn mực /Chế độ kế toán Việt Nam.

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Thành phố Long Xuyên, ngày 29 tháng 03 năm 2012

TM. Hội đồng Quản trị



HUYNH QUANG ĐÁU

Chủ tịch



Số: 152/HĐKT/2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính năm 2011

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/6/2011 đến ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 4 đến trang 21 kèm theo. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG vào ngày 31/12/2011 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1/6/2011 đến ngày 31/12/2011 phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2012

**CÔNG TY KIỂM TOÁN SAO VIỆT
GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN MẠNH QUÂN
Chứng chỉ KTV số 0180/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN THỊ HỒNG THÚY
Chứng chỉ KTV số 0176/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.166.278.589	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		54.260.378.400	-
1. Tiền	111	V.1	54.260.378.400	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.644.514.296	-
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	6.217.039.164	-
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	15.000.000	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	412.475.132	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	21.789.555.996	-
1. Hàng tồn kho	141		21.789.555.996	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		471.829.897	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	69.062.447	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		279.660.778	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	123.106.672	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.090.354.308	-
II. Tài sản cố định	220		31.536.036.885	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	28.584.556.209	-
- Nguyên giá	222		89.052.756.796	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.468.200.587)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.951.480.676	-
- Nguyên giá	228		3.750.673.200	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(799.192.524)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.554.317.423	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	9.554.317.423	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		124.256.632.897	-

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		56.752.193.685	-
I. Nợ ngắn hạn	310		53.841.830.106	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	21.159.099.697	-
2. Phải trả người bán	312	V.12	2.476.738.093	-
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	3.088.958.361	-
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.14	294.997.766	-
5. Phải trả người lao động	315	V.15	956.526.790	-
6. Chi phí phải trả	316	V.16	7.522.216.981	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	17.103.890.307	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.239.402.111	-
II. Nợ dài hạn	330		2.910.363.579	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	2.676.935.043	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		233.428.536	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.504.439.212	-
I. Vốn chủ sở hữu	410		67.504.439.212	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	60.000.000.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		375.000.000	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		37.522.583	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.19	250.000.000	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.19	250.000.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	6.591.916.629	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		124.256.632.897	-

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

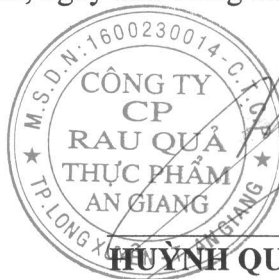
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

CHỈ TIÊU	<i>Thuyết minh</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		261.685.577	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		526.548,09	
- EUR		211,08	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Long Xuyên, ngày 31.. tháng 01... năm 2012

NGÔ THU HÀ
Kế toán trưởng



HUỲNH QUANG ĐÁU
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

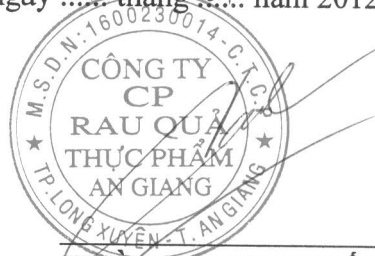
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/06/2011 đến 31/12/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		95.935.483.954
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	95.935.483.954
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	76.593.120.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.342.363.340
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	4.312.446.616
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.670.436.335
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.483.186.171
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.964.052.937
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.838.532.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.181.787.748
11. Thu nhập khác	31		60.143.824
12. Chi phí khác	32		3.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		57.143.824
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.238.931.572
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.522.014.943
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.716.916.629
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		

Long Xuyên, ngày 31 tháng 01 năm 2012



NGÔ THU HÀ
Kế toán trưởng



HUYNH QUANG ĐÀU
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/31/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/06/2011 đến 31/12/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.238.931.572
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.592.748.956
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.824.390.178)
- Chi phí lãi vay	06	2.483.186.171
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.490.476.521
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.411.973.777)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.859.084.255
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(30.945.684.917)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	229.960.822
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.483.186.171)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.405.799.233)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(123.106.672)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	449.439.856
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(17.340.789.316)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.171.867.869)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.824.390.178
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	2.652.522.309
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	39.689.134.491
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(38.326.483.895)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	1.362.650.596
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(13.325.616.411)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	67.560.156.205
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	25.838.606
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	54.260.378.400



NGÔ THU HÀ
Kế toán trưởng

Long Xuyên, ngày 23 tháng 01 năm 2012



HUYỄN QUANG ĐÀU
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

I.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang được cổ phần hóa theo Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 03/4/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Ngày 01/06/2011, Công ty đã đăng ký hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 1600230014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở đăng ký của Công ty đặt tại số 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Các đơn vị trực thuộc gồm:

Văn phòng đại diện Thành phố Hồ Chí Minh – 155/9 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cửa hàng rau quả thực phẩm - 69-71-73 đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Nhà máy Mỹ An - ấp Mỹ Long, xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Nhà máy Bình Khánh – đường Phan Bội Châu, phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

I.2. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần gồm:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký lần đầu vào ngày 01 tháng 06 năm 2011, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các món ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán buôn gạo;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán giống cây trồng các loại.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

II.1. Niên độ kế toán: từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

Niên độ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/06/2011 là ngày Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và kết thúc vào ngày 31/12/2011.

II.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

III.1. Chế độ kế toán: Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

III.2. Hình thức kế toán: Nhật ký chung

III.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

IV.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo phương pháp giá gốc.

IV.2. Số liệu so sánh

Không có số liệu cho cột Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán và cho cột Năm trước trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ do đây là báo cáo tài chính cho niên độ kế toán đầu tiên sau khi Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước sang thành công ty cổ phần.

Số dư các khoản mục tài sản, nợ phải trả và nguồn vốn tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang được hạch toán theo quy định tại thông tư 106/2008/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2008 về hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và được trình bày tại thuyết minh báo cáo tài chính.

IV.3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

▪ Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

▪ Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng ngày 31/12/2011 là 20.828 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm không ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

IV.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

▪ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

IV.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

IV.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá; Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
TSCĐ khác	03 - 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

IV.7. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện hành được ghi nhận hết vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Việc phân bổ chi phí trả trước dài hạn căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

IV.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm được phân loại là nợ dài hạn.

IV.9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các chi phí thực tế chưa phát sinh được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 3% trên quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội và được vào hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

IV.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

IV.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

▪ Thuế suất và các khoản ưu đãi thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các dự án đầu tư sau:

Tên dự án; Số, ngày Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư	Các ưu đãi được hưởng
Đầu tư xây dựng hai kho lạnh với công suất 150 tấn và 300 tấn Giấy chứng nhận đầu tư 52121000044 ngày 28 tháng 05 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp	Thuế suất 25% Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm (năm 2008); Giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm (từ năm 2009 đến năm 2012).
Mở rộng thêm dây chuyền đóng hộp Giấy chứng nhận đầu tư 52121000089 ngày 02 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp	Thuế suất 25% Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm (năm 2008); Giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm (từ năm 2009 đến năm 2012).
Đầu tư xây dựng một kho lạnh với công suất 500 tấn Giấy chứng nhận đầu tư 52121000126 ngày 31 tháng 03 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp	Thuế suất: 25%; Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm, kể từ năm 2009; Giảm 50% thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo, kể từ năm 2012
Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011 theo Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06/08/2011 của Quốc hội.	

IV.12. Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:

	Cuối năm
Tiền mặt	372.416.964
Tiền gửi ngân hàng	53.887.961.436
Cộng	54.260.378.400

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

Số dư khoản mục Tiền tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang là 67.560.156.205 đồng.

V.2. Phải thu khách hàng bao gồm:

	Cuối năm
Khách hàng nước ngoài trị giá nguyên tệ là 151.688,00 USD tương đương	3.159.357.664
Khách hàng trong nước khác	3.057.681.500
Cộng	<u>6.217.039.164</u>

Số dư khoản mục Phải thu khách hàng tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang là 3.666.906.422 đồng.

V.3. Trả trước cho người bán: tiền ứng cho Văn phòng luật sư Phát Tiến

Số dư khoản mục Trả trước cho người bán tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang là 698.519.240 đồng.

V.4. Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	Cuối năm
Chi nhánh Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam TP Hà Nội tại TP HCM	25.000.000
Công ty TNHH 1TV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	134.600.000
Công ty Cổ Phần Rau quả Thực phẩm An Giang	252.178.128
Khác	697.004
Cộng	<u>412.475.132</u>

Số dư khoản mục Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang như sau:

Chi nhánh Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam TP Hà Nội tại TP HCM	25.000.000
Công ty TNHH 1TV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	134.600.000
Công ty Cổ Phần Rau quả Thực phẩm An Giang	252.178.128
Cộng	<u>411.778.128</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

V.5. Hàng tồn kho bao gồm:

	Cuối năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.566.288.189
Công cụ, dụng cụ	265.230.506
Thành phẩm (*)	15.706.681.606
Hàng hóa (**)	3.251.355.695
Cộng	<u>21.789.555.996</u>

(*) là thành phẩm đóng lon và đông lạnh tại kho Bình Khánh, Mỹ An

(**) là hàng hóa mua để bán tại cửa hàng rau quả và hạt giống

Số dư khoản mục Hàng tồn kho khác tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	3.904.747.289
Công cụ, dụng cụ	221.736.508
Thành phẩm	23.021.788.233
Hàng hóa	500.368.221
Cộng	<u>27.648.640.251</u>

V.6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí nhập khẩu còn phải phân bổ.

Số dư khoản mục Chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang bằng 21.967.033 đồng.

V.7. Tài sản ngắn hạn khác

Là các khoản tạm ứng chi phí cho nhân viên về chi phí cho nhà máy.

Số dư khoản mục Tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang 1.552.910.149 đồng.

V.8. TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Số dư nhận bàn giao (*)	Tăng trong năm (**)	Giảm trong năm (**)	Số dư cuối năm
Nguyên giá				
Nhà cửa vật kiến trúc	23.423.191.853	853.233.691	-	24.276.425.544
Máy móc thiết bị	60.382.237.048	271.226.000	-	60.653.463.048
Phương tiện vận tải	3.104.990.814	-	-	3.104.990.814
Thiết bị dụng cụ quản lý	970.469.212	47.408.178	-	1.017.877.390
Cộng	<u>87.880.888.927</u>	<u>1.171.867.869</u>	<u>-</u>	<u>89.052.756.796</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Nhà cửa vật kiến trúc	14.853.227.685	1.291.529.699	-	16.144.757.384
Máy móc thiết bị	37.429.543.469	4.048.984.325	-	41.478.527.794
Phương tiện vận tải	1.895.552.699	200.210.657	-	2.095.763.356
Thiết bị dụng cụ quản lý	697.127.778	52.024.275	-	749.152.053
Cộng	<u>54.875.451.631</u>	<u>5.592.748.956</u>	<u>-</u>	<u>60.468.200.587</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

	Số dư	Số dư
Giá trị còn lại	nhận bàn giao (*)	cuối năm
Nhà cửa vật kiến trúc	8.569.964.168	8.131.668.160
Máy móc thiết bị	22.952.693.579	19.174.935.254
Phương tiện vận tải	1.209.438.115	1.009.227.458
Thiết bị dụng cụ quản lý	273.341.434	268.725.337
Cộng	<u>33.005.437.296</u>	<u>28.584.556.209</u>

(*) Là số dư khoản mục Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang.

(**) Bao gồm:

Tài sản tăng trong kỳ là do mua sắm mới

Hao mòn tăng trong kỳ là do trích khấu hao

V.9. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất, bao gồm:

- 8.553 m² tại tỉnh lộ 944 xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang hiện sử dụng làm Xưởng xử lý vỏ khóm Hòa Bình với giá trị là 2.497.476.000 đồng;
- 71,8 m² tại 155/9 Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh hiện sử dụng làm Văn phòng đại diện ở Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 1.253.197.200 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 3.750.673.200 là số dư khoản mục tài sản cố định vô hình tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang.

V.10. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

	Cuối năm
Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp(*)	9.535.617.423
Sửa chữa lớn TSCĐ	18.700.000
Cộng	<u>9.554.317.423</u>

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp căn cứ Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2009, giá trị lợi thế kinh doanh chủ yếu được xác định trên cơ sở lợi thế về vị trí địa lý đối với các lô đất thuê.

Giá trị lợi thế kinh doanh và sửa chữa lớn TSCĐ với số tiền 9.831.373.659 đồng là số dư khoản mục Chi phí trả trước dài hạn khác tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang.

V.11. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng số 65/2011/HĐTD để thanh toán tiền mua nguyên liệu rau quả và chi phí chế biến rau quả xuất khẩu. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi theo từng thời

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

điểm nhận nợ. Tài sản thế chấp là Nhà máy Mỹ An trực thuộc công ty với giá trị tài sản tương ứng 44 tỷ. Khoản vay có thời hạn từ 22/06/2011 đến 22/06/2012.

Số dư khoản mục Vay ngắn hạn tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang với số tiền 18.521.449.101 đồng.

V.12. Phải trả người bán

Là các khoản phải trả cho các nhà cung cấp trong nước về mua nguyên vật liệu.

Số dư khoản mục Phải trả người bán tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang với số tiền 7.010.805.473 đồng.

V.13. Người mua trả tiền trước

	Cuối năm
P.Se có giá trị nguyên tệ là 32.709,60 USD	679.640.069
R.T LTD có giá trị nguyên tệ là 35.760,00 USD	726.571.680
Fro.In INC có giá trị nguyên tệ là 27.979,00 USD	582.746.612
Cty TNHH P-Vĩnh	600.000.000
Cty TNHH Thực phẩm QVD Đồng Tháp	500.000.000
Cộng	<u>3.088.958.361</u>

Số dư khoản mục Người mua trả tiền trước tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang với số tiền 6.128.367.372 đồng.

V.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước bao gồm:

	Cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	221.947.176
Thuế thu nhập cá nhân	71.910.830
Thuế tài nguyên	1.139.760
Cộng	<u>294.997.766</u>

Số dư khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.105.731.466
Thuế thu nhập cá nhân	11.607.988
Thuế tài nguyên	1.568.400
Thuế khác	1.845.000
Cộng	<u>1.120.752.854</u>

V.15. Phải trả người lao động

Là số dư quỹ tiền lương trích căn cứ quyết định mà Đại hội đồng cổ đông thành lập đã thông qua vào ngày 18/05/2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

Bao gồm tiền lương phải trả sau:

	Cuối năm
Nhân viên văn phòng Công ty	318.368.738
Nhà Máy Bình Khánh	272.527.768
Nhà Máy Mỹ An	365.630.284
Cộng	<u>956.526.790</u>

Số dư khoản mục Phải trả người lao động tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang là 1.004.415.834 đồng.

V.16. Chi phí phải trả

Là tiền lương phải trả người lao động.

Số dư khoản mục Phải trả người lao động tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang là 7.001.652.841 đồng.

V.17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm
Phải trả về cổ phần hóa	411.778.128
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	14.343.073.731
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	1.458.013.287
Phải trả khác	769.524.054
Cộng	<u>17.103.890.307</u>

Số dư khoản mục Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang như sau:

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	14.343.073.731
Khác	2.112.639.189
Phải trả về cổ phần hóa	25.773.920.858
Cộng	<u>42.229.633.778</u>

V.18. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam- Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng số 09/2009/HỆTDĐT-NHPT ngày 03/11/2009 để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng công suất nhà máy rau quả đông lạnh Mỹ Luông (Nay là nhà máy Mỹ An). Khoản vay chịu lãi suất 6,9%/năm tính trên số nợ trong hạn và bằng 10,35%/năm tính trên nợ gốc và lãi chậm nộp. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và có thời hạn 66 tháng kể từ ngày rút vốn (29/03/2009). Hạn thanh toán cuối: 29/09/2014.

Số dư khoản mục Vay dài hạn tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang với số tiền 3.051.935.043 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

V.19. Vốn chủ sở hữu

V.19.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: triệu đồng					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi năm nay	-	-	-	-	7.717	7.717
Tăng trong năm nay (*)	60.000	250	250	375	-	60.875
Giảm trong năm nay (**)	-	-	-	-	(1.125)	(1.125)
Số dư cuối năm nay	60.000	250	250	375	6.592	67.467

(*) Số dư khoản mục Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang là 60.000.000.000 đồng.

(**) Lợi nhuận giảm do tạm trích các quỹ theo quyết định mà Đại hội đồng cổ đông thành lập đã thông qua vào ngày 18/05/2011 như sau:

Quỹ dự phòng tài chính	250.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	250.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	250.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	375.000.000
Cộng	1.125.000.000

V.19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng) được chia thành 6.000.000 cổ phần.

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

	Số cổ phần	Tỷ lệ trong vốn điều lệ, %
Vốn thuộc sở hữu Nhà nước – Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang	2.942.400	49,04
Vốn thuộc sở hữu cán bộ công nhân viên Công ty	249.300	4,16
Vốn thuộc sở hữu của các nhà đầu tư chiến lược	110.000	1,83
Vốn của các cổ đông khác	2.698.300	44,97
Cộng	6.000.000	100

Theo quy định tại điểm c mục 1 điều 25 chương III của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thì Công ty là công ty đại chúng do: “Công ty có cổ phiếu được ít nhất một trăm nhà đầu tư sở hữu, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và có vốn điều lệ đã góp từ mười tỷ đồng Việt Nam trở lên”.

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

Công ty đã thực hiện nộp hồ sơ công ty đại chúng quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày trở thành công ty đại chúng Theo quy định tại mục 2 điều 25 chương III của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

V.19.3. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và hiện đang lưu hành là 6.000.000 cổ phiếu có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

VI.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/06/2011 đến 31/12/2011
Doanh thu bán thành phẩm	76.178.472.154
Doanh thu bán hàng hóa	4.616.662.994
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.140.348.806
Cộng	<u>95.935.483.954</u>

VI.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/06/2011 đến 31/12/2011
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.824.390.178
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	488.056.438
Cộng	<u>4.312.446.616</u>

VI.3 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/06/2011 đến 31/12/2011
Giá vốn bán hàng hóa	4.313.571.761
Giá vốn bán thành phẩm	62.907.923.276
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.371.625.577
Cộng	<u>76.593.120.614</u>

VI.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/06/2011 đến 31/12/2011
Lãi vay	2.483.186.171
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	187.250.164
Cộng	<u>2.670.436.335</u>

VI.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/06/2011 đến 31/12/2011
Lương	811.558.221
Đồ dùng văn phòng	12.742.353
Khấu hao TSCĐ	244.993.380
Dịch vụ mua ngoài	4.157.970.703

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/06/2011 đến ngày 31/12/2011
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú khác)

Chi phí khác	736.788.280
Cộng	5.964.052.937

VI.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/06/2011 đến 31/12/2011
Chi phí nhân viên quản lý	3.607.179.308
Vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	268.205.221
Khấu hao TSCĐ	76.960.306
Thuế, phí và lệ phí	115.692.179
Dịch vụ mua ngoài	689.958.685
Chi phí khác	1.080.537.237
Cộng	5.838.532.936

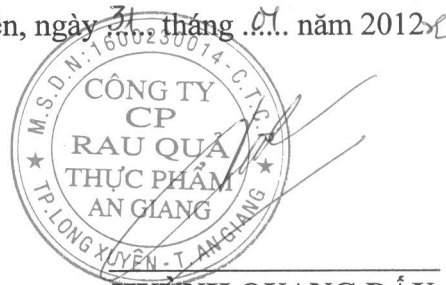
VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ trình bày tại mã số 60 của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số dư khoản mục Tiền tại ngày 31/05/2011 mà Công ty nhận bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang.

Long Xuyên, ngày 31 tháng 01 năm 2012



NGÔ THU HÀ
Kế toán trưởng



HUỲNH QUANG ĐÁU
Tổng Giám đốc